

SỰ KHÁC BIỆT VỀ GIỚI TRONG QUAN ĐIỂM VỀ KẾT HÔN, SINH CON VÀ TIÊU CHUẨN LỰA CHỌN BẠN ĐỜI CỦA SINH VIÊN HÀ NỘI

DƯƠNG THỊ THU HƯƠNG^(*)

Tóm tắt: Bài viết phân tích quan điểm của sinh viên Hà Nội về dự định kết hôn, sinh con, tiêu chuẩn lựa chọn bạn đời, trong đó có so sánh tìm ra sự khác biệt giữa sinh viên nam và nữ đối với những dự định và tiêu chuẩn lựa chọn nói trên. Nghiên cứu được thực hiện thông qua phương pháp khảo sát bằng bảng hỏi với cỡ mẫu 260 sinh viên tại Hà Nội. Kết quả nghiên cứu cho thấy, nhu cầu và dự định sẽ kết hôn và sinh con vẫn là xu hướng phổ biến ở đối tượng nghiên cứu, tuy nhiên thực tế cho thấy tồn tại sự khác biệt khá rõ về giới: tỉ lệ sinh viên nữ mong muốn trì hoãn hôn nhân hoặc dự định không kết hôn cao hơn so với nam sinh viên. Về tiêu chuẩn lựa chọn bạn đời, sinh viên có xu hướng đặt nặng tâm quan trọng đối với các tiêu chuẩn thuộc về đặc điểm cá nhân bạn đời tương lai (chung thủy, tình yêu dành cho nhau) và coi nhẹ hơn các tiêu chuẩn thuộc về đặc điểm gia đình bạn đời (xuất thân gia đình, môn đăng hộ đối, hợp tuổi). Kết quả nghiên cứu góp phần bổ sung hiểu biết rõ hơn về thể hệ trẻ nói chung và sinh viên nói riêng về vấn đề kết hôn, sinh con, lựa chọn bạn đời, từ đó có những chiến lược truyền thông hiệu quả hay những định hướng phù hợp với những chính sách có liên quan.

Từ khóa: Kết hôn; Lựa chọn bạn đời; Sinh con; Sinh viên; Tiêu chuẩn kết hôn.

GENDER DIFFERENCES IN VIEWS ON MARRIAGE, CHILDBIRTH AND PARTNER SELECTION STANDARDS OF HANOI STUDENTS

Abstract: This study examined the perspectives of university students in Hanoi regarding marriage intentions, childbearing plans, and criteria for partner selection, with particular attention to gender differences. Data was collected through a questionnaire survey of 260 students. Results indicated that while marriage and childbearing remain common aspirations among respondents, female students were more likely than males to express the desire to postpone marriage or to report no intention of marrying. In terms of partner selection, students placed greater emphasis on personal characteristics of a future spouse-such as fidelity and mutual affection-while attaching less importance to family-related attributes, including family background,

^(*) Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

social compatibility, and astrological suitability. These findings enhance the understanding of how younger generations, especially university students, conceptualize marriage, family formation, and partner choice in contemporary Vietnam. The study also provides insights that may inform communication strategies and contribute to the development of more responsive social policies.

Keywords: *Childbearing; Marital criteria; Marriage; Partner selection; University students.*

Ngày nhận bài: 19/7/2025; Ngày gửi phản biện: 23/7/2025; Ngày duyệt đăng bài: 06/10/2025.

1. Giới thiệu

Gia đình có vai trò quan trọng đối với sự phát triển của mỗi một cá nhân, đồng thời được xem là thành phần quan trọng của xã hội. Gia đình vững mạnh, cá nhân hạnh phúc là cơ sở góp phần tạo dựng sức mạnh và sự bền vững của xã hội. Trong xã hội hiện đại, thiết chế gia đình chịu tác động, ảnh hưởng từ các thiết chế xã hội khác. Bản thân thiết chế gia đình cũng không ngừng biến đổi, xuất hiện những xu hướng mới, ví dụ như: xuất hiện những hình thức gia đình mới, thay đổi về phân công vai trò trong gia đình, thay đổi kỳ vọng về số con, xu hướng sống độc thân, hay một bộ phận giới trẻ bày tỏ không có nhu cầu lập gia đình. Với trải nghiệm sống trong môi trường xã hội đô thị, rất có thể cách tổ chức cuộc sống gia đình cũng sẽ có nhiều điểm khác biệt so với sinh viên trước khi lên Hà Nội học đã từng trải nghiệm cuộc sống gia đình tại các xã hội nông thôn truyền thống. Với điều kiện hoàn cảnh sống mới, nhu cầu và các ưu tiên tại xã hội đô thị, rất có thể các bạn trẻ sẽ có những quan điểm và khuôn mẫu mới trong việc lựa chọn bạn đời nhằm xây dựng hạnh phúc gia đình phù hợp với bối cảnh xã hội hiện đại.

Bài viết đặt trọng tâm tìm hiểu sự khác biệt về giới trong quan điểm về kết hôn, sinh con và tiêu chuẩn lựa chọn bạn đời của sinh viên tại Hà Nội. Sự khác biệt về giới trong quan điểm về hôn nhân, sinh con và tiêu chuẩn lựa chọn bạn đời là trọng tâm được làm rõ, góp phần có thêm các căn cứ khoa học về các xu hướng gia đình hiện nay của thế hệ trẻ.

2. Tổng quan nghiên cứu và phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu về hôn nhân, gia đình, tiêu chuẩn lựa chọn bạn đời được nhiều các nhà nghiên cứu quan tâm và tiến hành trong những năm vừa qua. Nghiên cứu: “Một vài ý kiến về thực trạng hôn nhân và gia đình ở Hà Nội” của Nguyễn Như An trong cuốn *Gia đình Việt Nam hiện nay* đã nghiên cứu tìm hiểu những mối quan hệ trong gia đình và những giá trị hôn nhân và gia đình dựa trên mẫu nghiên cứu là 200 người là thành viên thuộc 200 gia đình tại phường Yên Phụ và Ngõ Thị Nhậm. Kết quả đã chỉ ra những tiến bộ của phụ nữ, sự cố gắng về trình độ học vấn cao, sự thành đạt

trong công việc đã khiến một số người phụ nữ bỏ qua suy nghĩ kết hôn và xây dựng gia đình để có thể theo đuổi với sự nghiệp của riêng mình. Chính vì điều đó, tuổi kết hôn ở nữ giới được nâng lên, họ có cơ hội tiến đến làm chủ hôn nhân cũng như cuộc sống của chính bản thân mình (Nguyễn Như An, 1996).

Trong nghiên cứu của Khuất Thu Hồng (2015) về *Gia đình và hôn nhân ở Việt Nam thay đổi như thế nào?* đã chỉ ra và khẳng định mối quan hệ trong gia đình, giữa các thành viên ngày càng được bình đẳng trong quyền quyết định mọi việc. Sự thay đổi này không bắt nguồn từ làn sóng phương Tây mà nó ở sự nhận thức, nỗ lực lao động tri thức nâng cao thu nhập của người vợ trong gia đình. Những tiến bộ trong bình đẳng giới đã làm mất dần đi những định kiến lạc hậu, tác giả đã nhắc đến vấn đề đáng chú ý khi có sự cải thiện của người phụ nữ trong gia đình dẫn đến thế hệ trẻ những người đàn ông sẽ cảm thấy quyền lực của mình bị giảm đi điều này dẫn đến bất đồng trong quan điểm và lối sống của hôn nhân. Đây cũng chính là nguyên nhân gia tăng tỷ lệ sống độc thân và ly hôn của thế hệ trẻ. Họ ổn định hơn về chất lượng cuộc sống, tri thức được nâng cao từ đó họ sẽ từ chối mọi tiêu chuẩn không đáp ứng và làm trì trệ quá trình tiến tới quyết định kết hôn của họ. (Khuất Thu Hồng, 2015).

Nghiên cứu của tác giả Lê Thi (2008) về tiêu chí lựa chọn bạn đời, trong đó có so sánh giữa thanh niên nông thôn và đô thị, với đối tượng khảo sát là thanh niên từ 18 - 29 tuổi. Kết quả nghiên cứu cho thấy thanh niên đô thị đưa ra tiêu chí xếp theo thứ tự ưu tiên về chọn vợ (đối với nam) và chọn chồng (đối với nữ), có sự khác biệt khá rõ. Nam giới đề cao các tiêu chí chọn vợ theo thứ tự quan trọng sau: có nghề nghiệp ổn định, hình thức bề ngoài xinh, có tư cách đạo đức tốt. Tiêu chuẩn mà nữ giới đề cao khi chọn chồng theo thứ tự: có nghề nghiệp ổn định, có tư cách đạo đức tốt, giỏi kiếm tiền. Cả nam và nữ tiêu chí “môn đăng hộ đối” hay “có lý lịch rõ ràng” là không quan trọng (Lê Thi, 2008).

Trong bài viết “Xu hướng biến đổi khuôn mẫu lựa chọn bạn đời ở Việt Nam” tác giả Nguyễn Hữu Minh (2008) đã đưa ra những bằng chứng cho thấy có sự biến đổi về tiêu chí lựa chọn bạn đời từ xã hội truyền thống sang xã hội hiện đại. Tiêu chí phổ biến trong xã hội truyền thống như “môn đăng hộ đối” đã nhường chỗ cho tiêu chuẩn lựa chọn hôn nhân theo kiểu mới, trên cơ sở phù hợp về đặc điểm và tính cách cá nhân. Tình yêu đôi lứa không được coi trọng trong hôn nhân truyền thống xuất phát từ việc cha mẹ cho rằng hôn nhân sắp đặt, bằng sự tình ý, khôn ngoan và kinh nghiệm của cha mẹ, họ có thể tìm được hôn nhân “hợp lý” cho con cái họ. Trong xã hội hiện đại, yếu tố cá nhân như tình yêu đôi lứa lại được đề cao (Nguyễn Hữu Minh, 2008).

Khi phân tích về *Một số xu hướng biến đổi hôn nhân ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay*, tác giả Nguyễn Hữu Minh đã phân tích xu hướng biến đổi hôn nhân của mẫu nghiên cứu hơn 1800 hộ gia đình tại 7 tỉnh thành Việt Nam từ 2017 - 2018. Tìm hiểu

tiêu chuẩn lựa chọn bạn đời của các cặp vợ chồng đã kết hôn, nghiên cứu đi đến kết luận về tiêu chuẩn lựa chọn bạn đời được đưa ra chủ yếu dựa vào các yếu tố cá nhân hơn gia đình, bao gồm: ngoan hiền, chăm chỉ, biết cách cư xử/tư cách đạo đức tốt, khỏe mạnh, biết cách làm ăn. Riêng đối với nhóm trẻ tuổi, các tiêu chí mới nổi trội được chú ý bao gồm: có nghề nghiệp ổn định, có trình độ học vấn (Nguyễn Hữu Minh, 2021).

Các nghiên cứu trên đều cho thấy một thực tế xã hội phát triển, đi kèm với đó là tiến bộ và bình đẳng giới trong gia đình, những chuyển biến về vị thế của phụ nữ trong gia đình và ngoài xã hội khiến cho tiêu chuẩn lựa chọn bạn đời của nam và nữ cũng đem lại những chuyển biến nhất định theo hướng chú trọng nhiều đến yếu tố cá nhân bạn đời thay vì những yếu tố thuộc đặc điểm gia đình họ. Nghiên cứu của tác giả bài viết tiếp tục cập nhật và làm rõ hơn xu hướng kết hôn, sinh con và tiêu chí lựa chọn bạn đời của sinh viên Hà Nội, bổ sung thêm những căn cứ dữ liệu và làm rõ hơn hiểu biết về chủ đề này, từ đó đề xuất những định hướng giải pháp trong truyền thông và chính sách cụ thể.

Nghiên cứu sử dụng phương pháp điều tra bằng bảng hỏi trực tuyến đối với sinh viên hiện đang học tập và sinh sống tại Hà Nội, trong đó đặt trọng tâm gửi bảng hỏi thông qua các nhóm, các diễn đàn của sinh viên thuộc 6 trường và là đại diện cho đa dạng các khối ngành học: khoa học xã hội và nhân văn, sư phạm, kinh tế tài chính, công nghệ, kỹ thuật, bao gồm:

- Trường Đại học Kinh tế Quốc dân
- Trường Đại học Ngoại thương
- Trường Đại học Bách khoa Hà Nội
- Trường Đại học Giao thông vận tải
- Học viện Báo chí và Tuyên truyền
- Đại học Sư phạm Hà Nội

Bên cạnh đó, để đa dạng hơn nữa mẫu nghiên cứu, nghiên cứu cũng nhờ những người đã từng trả lời phiếu gửi đường liên kết đến mạng lưới bạn bè của họ tại mỗi trường để mời tham gia trả lời bảng hỏi. Kết quả có 260 người tham gia trả lời bảng hỏi là sinh viên từ năm thứ nhất đến năm thứ 4 (hoặc năm thứ 5 với một số trường) đang học tại Hà Nội thuộc đa dạng các khối ngành học, sinh viên nam chiếm 54,2% và sinh viên nữ chiếm 45,8%. Nghiên cứu được thực hiện vào tháng 4 đến tháng 6 năm 2023, được xử lý dữ liệu với sự hỗ trợ của phần mềm SPSS 20.0.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Khác biệt giới trong quan điểm về kết hôn, sinh con của sinh viên Hà Nội

Trong những năm vừa qua, xã hội chứng kiến không ít những biến đổi đáng chú ý của gia đình: quy mô gia đình có xu hướng thu nhỏ về số lượng thành viên, tuổi trung bình kết hôn tăng lên, v.v. (Kết quả tổng điều tra dân số nhà ở 2009, 2019).

Bên cạnh đó cũng xuất hiện ngày một phổ biến hơn những hình thức gia đình mới: gia đình đơn thân/ khuyết thiếu, hôn nhân không con cái, gia đình đồng tính hay xu hướng mới: xu hướng sống độc thân.

Khách thể nghiên cứu là sinh viên từ nhiều tỉnh thành hiện sinh sống và học tập tại Hà Nội, họ là thế hệ trẻ, tiếp cận với nhiều phương tiện thông tin, cập nhật lối sống hiện đại, nhiều giá trị văn hóa mới. Cuộc sống của họ cũng có nhiều điểm khác với thế hệ cha mẹ, ông bà trước đây: họ có nhiều đam mê, nhiều mối quan tâm và mục tiêu cần theo đuổi hơn. Do vậy, hôn nhân có thể chỉ là một trong những yếu tố họ quan tâm thay vì là yếu tố quan trọng nhất, thậm chí là duy nhất. Cũng có nhiều hoài nghi cho rằng, giới trẻ không còn đặt nặng mục tiêu kết hôn, sinh con. Liệu đây chỉ là quan điểm của một bộ phận nhỏ hay nó đã trở thành xu thế chung? Kết quả khảo sát đã góp phần làm rõ hơn câu hỏi này với việc tổng hợp kết quả sinh viên đánh giá tầm quan trọng khi được hỏi "kết hôn có phải là mục đích quan trọng mà bạn hướng đến trong tương lai 10 năm tới không?", cụ thể như sau:

Bảng 1: Kết quả đánh giá của sinh viên về việc kết hôn có phải là mục đích quan trọng mà họ hướng đến trong tương lai 10 năm tới hay không

Mức độ quan trọng	Số lượng	% tổng	Nữ	Nam
1. Rất quan trọng	30	11,5	10,1	12,8
2. Quan trọng	133	51,2	39,5	61
3. Bình thường	76	29,2	38,7	21,3
4. Không quan trọng	17	6,5	10,1	3,5
5. Hoàn toàn không quan trọng	4	1,5	1,7	1,4
Tổng	260	100	100%	100%

Nguồn: Dữ liệu đề tài khảo sát sinh viên Hà Nội năm 2023 do tác giả thực hiện.

Bảng kết quả tổng hợp trên cho thấy thực tế kết hôn vẫn là một trong những mục tiêu được sinh viên xác định là khá quan trọng trong tương lai 10 năm phía trước của họ. Chỉ có 8% sinh viên toàn mẫu nghiên cứu cho rằng “không quan trọng” hay “hoàn toàn không quan trọng”. Ngược lại, tỉ lệ đánh giá “quan trọng” và “rất quan trọng” chiếm gần 63%, còn lại gần 30% đánh giá ở mức “bình thường”. Như vậy có thể thấy kết hôn vẫn được xem là một mục tiêu tương đối quan trọng và xu thế hướng đến khá phổ biến đối với sinh viên nói chung.

Đáng chú ý, khi phân tích tương quan theo giới, tỉ lệ sinh viên nam đánh giá kết hôn là mục tiêu quan trọng đối với họ cao hơn hẳn so với sinh viên nữ, và sự chênh lệch này là rất lớn: có 49,6% nữ sinh viên cho là “quan trọng” và “rất quan trọng”, trong khi tỉ lệ này ở nam cao hơn đáng kể, chiếm đến gần 74%. Có khoảng 12%

sinh viên nữ đánh giá mục tiêu kết hôn là không quan trọng, tỉ lệ đánh giá “không quan trọng” ở nam là gần 5%. Một tỉ lệ khá lớn: 38,7% sinh viên nữ xếp mức độ quan trọng của kết hôn ở mức “bình thường”. Như vậy một xu hướng khá rõ thể hiện ở tỉ lệ nam giới đặt mục tiêu “quan trọng” của việc kết hôn cao hơn đáng kể so với nữ và trong tương lai rất có thể sẽ phổ biến hơn nữa xu hướng nữ giới “bình thường hóa” mục tiêu kết hôn. Dự báo này càng có căn cứ rõ ràng hơn khi phân tích dữ liệu về dự định kết hôn của sinh viên nam và nữ:

Bảng 2: Dự định kết hôn của sinh viên nam và nữ trong tương lai (%)

Dự định kết hôn	Số lượng	% tổng	Nữ (%)	Nam (%)
1. Có	232	89,2	84	93,6
2. Không	28	10,8	16	6,4
Tổng	260	100	100	100

Nguồn: Dữ liệu khảo sát sinh viên Hà Nội năm 2023 do tác giả thực hiện.

Có 10,8% tổng số sinh viên trong mẫu nghiên cứu cho biết họ dự định sẽ không kết hôn trong tương lai, còn lại hơn 89% dự định sẽ có kết hôn trong tương lai. Như vậy xu hướng kết hôn và sống cuộc sống gia đình vẫn là xu hướng nổi bật của giới trẻ, trong khi đó lựa chọn hay mong muốn sống độc thân vẫn chỉ là nhóm thiểu số, chưa thể trở thành “xu hướng”. Đáng chú ý, dự định lựa chọn sống độc thân ở nữ cao hơn hẳn so với nam giới: có 16% nữ giới dự kiến sẽ không kết hôn trong khi đó tỉ lệ này ở nam giới chỉ là 6,4%. Như vậy nữ giới vừa đánh giá tầm quan trọng của kết hôn đối với bản thân họ thấp hơn so với nam giới, vừa có tỉ lệ dự định không kết hôn cao hơn hẳn so với nam giới.

Kết quả phân tích dữ liệu cũng cho thấy, độ tuổi phổ biến nhất mà sinh viên mong muốn sẽ kết hôn rơi vào khoảng từ 26 đến 29. Trong tổng mẫu nghiên cứu, có 48% sinh viên dự kiến sẽ kết hôn ở khoảng tuổi này. Tiếp đến là nhóm tuổi dưới 26: với 35,1% sinh viên mong muốn kết hôn ở độ tuổi này. Tỉ lệ mong muốn kết hôn ở độ tuổi từ 30 - 33 là tương đối thấp (chiếm 13,8% tổng mẫu nghiên cứu), cụ thể như sau:

Bảng 3: độ tuổi sinh viên mong muốn kết hôn phân tích theo giới tính (%)

Độ tuổi kết hôn mong muốn	Số lượng	% tổng	Nữ (%)	Nam (%)
1. Dưới 26	79	35,1	29,6	39,4
2. Từ 26 - 29	108	48	55,1	42,5
3. Từ 30 - 33	31	13,8	13,3	14,2
4. Từ 34 trở lên	7	3,1	2,0	3,9
Tổng	225	100	100	100

Nguồn: Dữ liệu khảo sát sinh viên Hà Nội năm 2023 do tác giả thực hiện.

Theo quan điểm truyền thống, nữ giới thường kết hôn sớm hơn so với nam giới. Kết quả phân tích độ tuổi kết hôn trung bình lần đầu của Việt Nam theo kết quả tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019 là 25,2 tuổi, tăng 0,7 tuổi so với năm 2009, trong đó nam giới kết hôn muộn hơn nữ giới 4,1 năm (tương ứng là 27,2 tuổi ở nam và 23,1 tuổi ở nữ) (Tổng cục Thống kê, 2020).

Khi phân tích độ tuổi mong muốn kết hôn theo giới thông qua khảo sát đối với sinh viên Hà Nội, kết quả rất đáng quan tâm khi tỉ lệ nữ giới mong muốn kết hôn ở độ tuổi 26 đến 29 lại cao hơn đáng kể so với nam giới (55,1% so với 42,5%), ngược lại, tỉ lệ mong muốn kết hôn ở độ tuổi dưới 26 ở nam lại cao hơn đáng kể so với nữ (39,4% so với 29,6%). Mặc dù đây chỉ là kỳ vọng, dự kiến, chưa phải thực tế, nhưng nó phản ánh phần nào xu hướng mới: xu hướng nữ giới mong muốn kết hôn muộn hơn hoặc trì hoãn hôn nhân, có thể họ dành ưu tiên những mục tiêu, nhiệm vụ quan trọng hơn kết hôn ở độ tuổi còn trẻ.

Về việc sinh con, khi được hỏi về dự định tương lai sinh viên có mong muốn sinh con hay không, kết quả cho thấy xu hướng mong muốn có con và có từ 1 đến 2 con vẫn là xu hướng phổ biến (chiếm tổng số 85% toàn mẫu nghiên cứu). Chỉ có 10% tổng số sinh viên trong mẫu nghiên cứu trả lời họ không muốn sinh con.

Bảng 4: Số con mong muốn của người được hỏi phân tích theo giới tính (%)

Số con mong muốn	Nữ	Nam
1 con	5	7,8
2 con	73,9	82,3
3 con	5	5
Không sinh con	16	5
Tổng	100	100

Nguồn: Dữ liệu khảo sát sinh viên Hà Nội năm 2023 do tác giả thực hiện.

Bảng số liệu trên cho thấy một điểm rất đáng chú ý là tỉ lệ nữ giới thể hiện mong muốn "không sinh con" cao hơn so với nam: có 16% tổng số sinh viên nữ cho biết họ không dự định sẽ sinh con so với 5% là nam giới.

Như vậy, số liệu từ khảo sát bước đầu cho thấy một xu hướng cơ bản: xu hướng kết hôn trước 30 tuổi, sinh từ 1-2 con vẫn là xu hướng phổ biến của giới trẻ trong tương lai gần, cụ thể là nhóm sinh viên hiện đang học tập, sinh sống tại Hà Nội. Tuy nhiên, kết quả cũng cho thấy một vấn đề cũng đáng quan tâm khác: một nhóm nhỏ sinh viên có dự định không ưu tiên mục tiêu kết hôn hoặc kết hôn muộn hơn, không mong muốn có con, và xu hướng này ở sinh viên nữ phổ biến hơn đáng kể so với sinh viên nam.

3.2. Khác biệt giới trong quan điểm lựa chọn bạn đời của sinh viên Hà Nội

Nhằm làm rõ hơn xu hướng lựa chọn bạn đời của sinh viên Hà Nội, nghiên cứu đã đưa ra 12 tiêu chí cụ thể, bao gồm tiêu chí về đặc điểm cá nhân như: hình thức, tính cách, nghề nghiệp, trình độ học vấn, điều kiện kinh tế, tiêu chí về tình yêu và lòng chung thủy, đặc điểm, điều kiện gia đình. Sinh viên đánh giá về mức độ quan trọng của các tiêu chí theo thang điểm từ 1 đến 5, điểm trung bình mức độ đánh giá tầm quan trọng của các tiêu chí càng cao, thể hiện mức độ quan trọng của tiêu chí càng cao. Bảng dưới đây là thống kê đánh giá của người được hỏi về mức độ quan trọng của các tiêu chí.

Bảng 5: Điểm trung bình đánh giá mức độ quan trọng của các tiêu chí lựa chọn bạn đời (đơn vị: điểm/ 5)

Tiêu chí	Điểm TB/5
1. Chung thủy	3,95
2. Tình yêu	3,91
3. Chăm chỉ, cần cù, biết chăm lo gia đình	3,63
4. Nghề nghiệp ổn định	3,56
5. Kinh tế (khả năng kiếm tiền)	3,53
6. Sức khỏe, sức khỏe tình dục	3,52
7. Trình độ học vấn	3,43
8. Có cùng sở thích, tính cách với mình	3,43
9. Ngoại hình ưa nhìn	3,23
10. Xuất thân gia đình	3,1
11. Môn đăng hộ đối	3,02
12. Hợp tuổi	2,99

Nguồn: dữ liệu khảo sát sinh viên Hà Nội năm 2023 do tác giả thực hiện.

Bảng trên xếp theo thứ tự từ cao xuống thấp điểm trung bình đánh giá mức độ quan trọng của các tiêu chí lựa chọn bạn đời của sinh viên trong mẫu nghiên cứu. Kết quả cho thấy hai tiêu chí được đánh giá là quan trọng nhất bao gồm: chung thủy

và tình yêu với số điểm trung bình lần lượt là 3,95/5 điểm và 3,91/5 điểm. Tiêu chí quan trọng thứ 3 là: chăm chỉ, cần cù, biết chăm lo gia đình. Nhóm tiêu chí quan trọng tiếp theo, với số điểm trung bình đánh giá mức độ quan trọng trên 3,5 điểm, bao gồm:

- Nghề nghiệp ổn định (3,56 điểm/ 5 điểm)
- Kinh tế (khả năng kiếm tiền) (3,53/ 5 điểm)
- Sức khỏe, sức khỏe tình dục (3,52 điểm/ 5 điểm)

Yếu tố trình độ học vấn, sở thích, tính cách xếp sau các yếu tố trên. Yếu tố ngoại hình được dự báo có thể là yếu tố được thế hệ trẻ chú trọng khi lựa chọn bạn đời, tuy nhiên kết quả khảo sát cho thấy đây là yếu tố đứng ở thứ 9 trong bảng thứ tự các yếu tố được đánh giá về mức độ quan trọng. Yếu tố thuộc đặc điểm gia đình như môn đăng hộ đối, xuất thân gia đình là những yếu tố được đánh giá thấp nhất về mức độ quan trọng trong tiêu chuẩn lựa chọn bạn đời. Kết quả phân tích dữ liệu trên cho thấy cho dù sinh viên sống tại đô thị Hà Nội được xem là nhóm trẻ tuổi với những quan điểm hiện đại về tình yêu, tiêu chuẩn lựa chọn bạn đời, tuy nhiên thực tế họ vẫn giữ cho mình những tiêu chuẩn khá "chuẩn mực" về việc lựa chọn bạn đời, chú trọng đến tình yêu và lòng chung thủy. Họ coi trọng hạnh phúc cá nhân, những tiêu chí thuộc về đặc điểm cá nhân bạn đời và cũng dần xem nhẹ những yếu tố thuộc về gia đình - những yếu tố được đánh giá là quan trọng trong tiêu chuẩn lựa chọn bạn đời của các thế hệ trước đây.

Phân tích sự khác biệt về giới trong tiêu chí lựa chọn bạn đời, kết quả cho thấy nam giới và nữ giới có những đánh giá về mức độ quan trọng của các tiêu chí tương đối khác nhau, cụ thể như sau:

Bảng 6: điểm trung bình đánh giá tầm quan trọng của tiêu chí lựa chọn bạn đời phân tích theo giới (đơn vị: điểm /5 điểm)

Tiêu chí	TB chung	Nữ	Nam
1. Chung thủy	3,95	4,32*	3,64*
2. Tình yêu	3,91	4,24*	3,63*
3. Chăm chỉ, cần cù, biết chăm lo gia đình	3,63	3,98*	3,34*
4. Nghề nghiệp ổn định	3,56	3,88*	3,29*
5. Kinh tế (khả năng kiếm tiền)	3,53	3,9*	3,21*
6. Sức khỏe, sức khỏe tình dục	3,52	3,76*	3,31*

Tiêu chí	TB chung	Nữ	Nam
7. Trình độ học vấn	3,43	3,7*	3,2*
8. Có cùng sở thích, tính cách với mình	3,43	3,50	3,38
9. Ngoại hình ưa nhìn	3,23	3,29	3,19
10. Xuất thân gia đình	3,1	3,16	3,05
11. Môn đăng hộ đối	3,02	3,14*	2,92*
12. Hợp tuổi	2,99	3,18*	2,84*

* $P \text{ value} \leq 0,05$

Nguồn: Dữ liệu khảo sát sinh viên Hà Nội năm 2023 do tác giả thực hiện.

Trong 12 tiêu chí trình bày ở bảng trên thì chỉ có 3 tiêu chí không có sự khác biệt về giới trong đánh giá về mức độ quan trọng đối với việc lựa chọn bạn đời. Còn lại 9 tiêu chí đều có sự khác biệt, thậm chí tồn tại sự khác biệt ở một số tiêu chí là rất lớn giữa yêu cầu của sinh viên nam và sinh viên nữ. Nhìn chung nữ giới có yêu cầu cao hơn về các tiêu chí lựa chọn bạn đời của mình, đưa ra đánh giá tầm quan trọng ở mỗi tiêu chí đều cao hơn đáng kể so với nam giới. Về chung thủy và tình yêu, đây là hai tiêu chí cả nam và nữ đều đánh giá mức độ quan trọng hàng đầu trong tất cả các tiêu chí, tuy nhiên, điểm trung bình đánh giá mức độ quan trọng của chung thủy đối với nữ là 4,32 điểm/ 5 điểm và cao hơn đáng kể so với đánh giá của nam giới là 3,64 điểm/5 điểm. Đối với tiêu chí tình yêu, điểm trung bình đánh giá mức độ quan trọng ở nữ là 4,24 điểm/ 5 điểm, ở nam giới là 3,63/ 5 điểm. Có trên 58% tổng số nữ giới được hỏi đã nhấn mạnh là "rất quan trọng" đối với tiêu chí lựa chọn bạn đời dựa trên tình yêu hay chung thủy, trong khi tỉ lệ này ở nam giới chỉ rơi vào trên dưới 29%. Với tiêu chí "chăm chỉ, cần cù, biết lo cho gia đình", đây là tiêu chí lựa chọn bạn đời được đánh giá về mức độ quan trọng xếp thứ 3 đối với cả nam và nữ. Theo suy nghĩ thông thường, nam giới sẽ đặt nặng tiêu chí này hơn so với nữ khi lựa chọn bạn đời, tuy nhiên thực tế cho thấy điểm trung bình đánh giá mức độ quan trọng của tiêu chí này ở nữ cao hơn nam (3,98 điểm so với 3,34 điểm). Có 42% tổng số nữ giới được hỏi cho rằng đây là tiêu chí "rất quan trọng", trong khi chỉ có 17,7% nam giới đánh giá đây là tiêu chí "rất quan trọng" trong lựa chọn bạn đời. Như vậy có những bằng chứng cho thấy sự thay đổi về chuẩn mực lựa chọn bạn đời, nữ giới yêu cầu khắt khe hơn về bạn đời của họ: không chỉ yêu cầu cao hơn về nghề nghiệp ổn định, điều kiện

kinh tế, sức khỏe, trình độ học vấn ở bạn đời của mình cao hơn so với yêu cầu từ phía nam giới về bạn đời của mình mà còn yêu cầu cao bạn đời của họ là người hướng về gia đình, chăm chỉ, cần cù, biết chăm lo cho gia đình. Rất có thể, tương đồng với một số nghiên cứu đã đề cập đến trong tổng quan, khi vị thế phụ nữ được cải thiện, họ độc lập hơn về kinh tế và nhận thức rõ được giá trị bản thân, song hành với đó là sự đòi hỏi cao hơn về bạn đời của mình, và họ cũng chấp nhận cuộc sống độc thân với tỉ lệ cao hơn nam giới.

Về yếu tố ngoại hình ưa nhìn, đây là yếu tố không thuộc ưu tiên quan trọng về tiêu chí lựa chọn bạn đời, căn cứ vào điểm trung bình, đây là yếu tố đứng thứ 9 trong số 12 tiêu chí được đưa ra. Đáng chú ý, tư duy truyền thống: "gái ham tài, trai ham sắc" tương đối phổ biến trong xã hội truyền thống trước đây thì kết quả nghiên cứu hiện tại đối với sinh viên Hà Nội cho thấy không có sự khác biệt về giới có ý nghĩa thống kê trong đánh giá tầm quan trọng của tiêu chí "ngoại hình ưa nhìn". Những tiêu chí thuộc về gia đình (xuất thân gia đình, môn đăng hộ đối) trong xã hội truyền thống thường được nhắc đến là những tiêu chí quan trọng, đáng xem xét đến khi chọn vợ, chọn chồng. Tuy nhiên kết quả nghiên cứu đối với sinh viên Hà Nội cho thấy chúng đều không phải là những tiêu chí được đánh giá là "quan trọng" ở mức đáng quan tâm: điểm trung bình mức độ đánh giá quan trọng chỉ đạt trên dưới 3 điểm (tương đương ở mức bình thường) và thấp hơn đáng kể so với tiêu chí khác. Không có sự khác biệt về giới trong việc đánh giá tầm quan trọng của tiêu chí "xuất thân gia đình", ở tiêu chí "môn đăng hộ đối", sự khác biệt về giới cũng không quá lớn như các tiêu chí khác. Quan niệm "hợp tuổi" cũng là quan niệm truyền thống các thế hệ trước đây quan tâm và chú trọng khi lựa chọn bạn đời, tuy nhiên đây là tiêu chí được thế hệ trẻ trong mẫu nghiên cứu xếp ở mức ít quan trọng nhất, hay có thể nói là "bình thường" với điểm trung bình đánh giá chung toàn mẫu ở mức dưới 3 điểm (2,99 điểm/ 5 điểm), trong đó nữ giới coi trọng yếu tố này hơn nam giới, tuy nhiên sự khác biệt cũng không quá lớn (3,18 điểm so với 2,84 điểm).

4. Kết luận

Kết quả nghiên cứu cho thấy xu hướng thế hệ trẻ, cụ thể là sinh viên đang học tại các trường đại học tại Hà Nội vẫn thể hiện mong muốn kết hôn, sống cuộc sống gia đình, độ tuổi kết hôn dưới 30 tuổi và sinh từ 1-2 con vẫn là xu hướng phổ biến của giới trẻ. Tuy nhiên bên cạnh đó cũng đã xuất hiện một nhóm các bạn trẻ thể hiện không mong muốn kết hôn hoặc không sinh con, đáng chú ý tỉ lệ không mong muốn kết hôn và không muốn có con ở nữ cao hơn so với nam giới. Về tiêu chí lựa chọn bạn đời, cả nam và nữ sinh viên đều đánh giá cao tầm quan trọng của tiêu chí tình yêu, chung thủy, chăm chỉ, biết chăm lo cho gia đình. Những giá trị không còn phù hợp

được sinh viên đánh giá thấp, bao gồm những tiêu chuẩn thuộc về đặc điểm gia đình: xuất thân gia đình, môn đăng hộ đối hay hợp tuổi. Đáng chú ý, nữ giới thường đưa ra đánh giá về mức độ quan trọng của các tiêu chuẩn lựa chọn bạn đời cao hơn so với nam, thể hiện nữ giới khắt khe hơn so với nam giới trong việc đặt ra các tiêu chuẩn lựa chọn bạn đời, trong đó bao gồm cả những tiêu chuẩn mà trước đây được xem là tiêu chuẩn nam giới chọn vợ "chăm chỉ, cần cù, biết chăm lo gia đình" thì nữ giới cũng đánh giá tầm quan trọng của tiêu chí này khi chọn bạn đời ở mức điểm "quan trọng" cao hơn so với nam. Có thể thấy từ nghiên cứu, trong bối cảnh xã hội hiện đại, bình đẳng giới được chú trọng, nữ giới đã thể hiện sự độc lập cao hơn và "kĩ tính" hơn trong việc lựa chọn bạn đời tương lai.

Tài liệu tham khảo

1. Ban chỉ đạo Tổng điều tra dân số và nhà ở Trung ương. 2010. *Kết quả toàn bộ Tổng điều tra dân số và nhà ở Việt Nam năm 2009*. Nxb. Thống kê, Hà Nội.
2. Ban chỉ đạo Tổng điều tra dân số và nhà ở Việt Nam. 1991. *Tổng điều tra dân số Việt Nam 1989: Kết quả điều tra toàn diện*, t.3. Nxb. Thống kê, Hà Nội.
3. Khuất Thu Hồng. 2015. "Gia đình và hôn nhân ở Việt Nam thay đổi như thế nào". *Tạp chí Văn hoá Nghệ An*, số 294, 2015.
4. Lê Thi. 2008. "Tìm hiểu tiêu chuẩn lựa chọn bạn đời của thế hệ trẻ Việt Nam ở thành phố và nông thôn hiện nay". *Tạp chí nghiên cứu con người*, số 5(38), 2008. (<http://lib.bvu.edu.vn/bitstream/TVDHBRVT/8113/1/000000CVv249S052008025.pdf>).
5. Nguyễn Hữu Minh. 2008. "Xu hướng biến đổi khuôn mẫu lựa chọn bạn đời ở Việt Nam". *Tạp chí Khoa học Xã hội*, số 11(123) - 2008, (http://tailieudientu.lrc.tnu.edu.vn/Upload/Collection/brief/brief_53804_58180_81120161439402_2008_CVv212S112008014.pdf).
6. Nguyễn Hữu Minh. 2021. "Một số xu hướng biến đổi hôn nhân ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay". *Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam*, số 1/2022.
7. Nguyễn Như An. 1996. *Vấn đề hôn nhân và gia đình trong giáo dục gia đình hiện nay trong cuốn sách "Gia đình Việt Nam hiện nay"*. Nxb. Khoa học Xã hội.
8. Tổng cục Thống kê. 2020. *Thông cáo báo chí kết quả tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019*, (<https://www.gso.gov.vn/su-kien/2019/12/thong-cao-bao-chi-ket-qua-tong-dieu-tra-dan-so-va-nha-o-nam-2019/>).